

Bản án số: 148/2022/HC-PT

Ngày 04 tháng 3 năm 2022

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 541/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 7/8, Ấp 1, xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư Phạm Văn Thọ – Văn phòng luật sư tư vấn pháp luật Thái Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai – Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Trần Nam B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020) – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Nguyễn Đức K – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Định Quán, huyện Đ, tỉnh Đ;

2.3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Cao Tiến D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Nguyễn Hồng Q, Chi cục Trưởng Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 02 Phan Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố B, tỉnh Đ;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đ;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Thành M;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Thành M trình bày:

Năm 1986 ông xây dựng nhà ở hợp pháp trên thửa đất số 244, diện tích 109,9 m² do gia đình ông khai phá từ trước năm 1986 và sử dụng ổn định liên tục không có tranh chấp. Gia đình ông có sổ hộ khẩu cấp năm 1994.

Ngày 10/5/2014, ông nhận được Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (sau đây viết tắt là *Quyết định số 611*) thu hồi toàn bộ thửa đất số 244 của gia đình ông để thực hiện Dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đường dẫn cầu La Ngà (sau đây viết tắt là *Dự án*). Ngày 02/7/2014, ông nhận được Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (sau đây viết tắt là *Quyết định số 1064*) phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông gồm có: Bồi thường 109,9 m² đất là 43.963.000 đồng, cây cối hoa màu: 00 đồng, nhà ở, vật kiến trúc 88.892.283 đồng, chính sách hỗ trợ 10.000.000 đồng, hỗ trợ khác của chủ đầu tư 44.148.456 đồng. Tổng cộng 187.000.739 đồng, trừ tiền đất khi nhận đất tái định cư 23.040.000 đồng và tiền xây dựng cơ sở hạ tầng 88.296.912 đồng. Số tiền được nhận là 75.663.827 đồng.

Ông khiếu nại Quyết định số 1064 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 3161*) bác khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại thì ngày 29/11/2014 ông nhận được Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (sau đây viết tắt là *Quyết định số 3365*) bác đơn khiếu nại của ông và công nhận Quyết định số 3161. Ngày 30/9/2014, ông nhận được Quyết định 3385/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (sau đây viết tắt là *Quyết định số 3385*) đính chính, sửa đổi Quyết định số 611 ở phần ngày tháng năm Tờ trình của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và phần nguồn gốc 109,9 m² thu hồi của gia đình ông, cho là đất lấn chiếm hành lang lộ giới. Ngày 30/01/2015, ông nhận được Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (sau đây viết tắt là *Quyết định số 15*) phê duyệt hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông như sau: Hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc 22.223.071 đồng, trợ cấp các loại 55.851.544 đồng, thưởng di dời 2.000.000 đồng. Tổng cộng 80.074.615 đồng.

Ông khởi kiện các quyết định trên đến Tòa án nhân dân huyện Đ nhưng Tòa án ra Thông báo số 245/2015/TB-TA ngày 29/9/2015 trả lại đơn khởi kiện. Ông khiếu nại thì Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 21/2015/QĐ-GQKN ngày 07/12/2015 không chấp nhận khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại thì Chánh án

Tòa án nhân dân tỉnh Đ ra Quyết định số 04/2016/QĐ-GQKN ngày 04/01/2016 bác khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không nhận được văn bản trả lời nên ông trực tiếp đến cơ quan Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì vào ngày 26/7/2019, ông được sao lục Quyết định số 141A/2016/QĐ-GQKN ngày 30/6/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung chấp nhận khiếu nại của ông và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ thông báo cho ông nộp lại đơn khởi kiện để được giải quyết.

Ngày 05/7/2020, ông được Tòa án giao các tài liệu nên mới được biết các quyết định sau:

Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 1227) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Danh sách kèm theo thì ông ở số thứ tự 15 cụ thể như sau: Diện tích đã thu hồi 109,9 m² đất phi nông nghiệp. Tổng giá trị bồi thường và thưởng là 195.000.739 đồng, trong đó bồi thường về đất 43.960.000 đồng, nhà ở vật kiến trúc 88.892.283 đồng, chính sách hỗ trợ 54.148.456 đồng, thưởng di dời 8.000.000 đồng.

Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 4166) phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho 21 hộ. Danh sách kèm theo thì ông ở số thứ tự 13 cụ thể như sau: Diện tích đã thu hồi 109,9 m² đất phi nông nghiệp. Tổng giá trị bồi thường và thưởng là 80.074.615 đồng, trong đó hỗ trợ về nhà ở vật kiến trúc 22.223.071 đồng, chính sách hỗ trợ 55.851.544 đồng, thưởng di dời 2.000.000 đồng.

Việc bồi thường, hỗ trợ là vi phạm pháp luật vì xác nhận diện tích sai thực tế, sai trình tự bồi thường, sai thời hạn bồi thường, không bồi thường đất và tài sản trên đất, không hỗ trợ tái định cư, không bố trí tái định cư. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy: Quyết định số 611, Quyết định số 1064, Quyết định số 3385, Quyết định số 15, Quyết định số 3161, Quyết định số 3365, Quyết định số 1227 và Quyết định số 4166. Do trong hồ sơ đã có cơ quan chức năng đo vẽ nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại Công văn số 595/UBND-NC ngày 24/02/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ do người đại diện trình bày:

** Về trình tự, thủ tục thực hiện Dự án:*

Ngày 08/01/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ra Thông báo số 192/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 nối từ tỉnh Đ đến tỉnh Lâm Đồng. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo 76 tờ bản đồ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đ ký ngày 05/12/2012, trong đó vị trí đầu Cầu La Ngà nằm trong tờ bản đồ số 32.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ có văn bản số 3332/STNMT-CCQLĐĐ đề xuất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có văn bản số 7203/UBND-ĐT ngày 05/9/2013 chấp thuận về việc bồi thường, hỗ trợ cho 21 hộ dân theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc theo điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ bằng 80% giá trị bồi thường nhà, vật kiến trúc; Đối với cây trồng bồi thường 100% giá trị; Hỗ trợ di dời theo Quyết định số 25 nêu trên và hỗ trợ 05 tháng tiền thuê nhà (1.200.000 đồng/tháng); hỗ trợ khác theo Điều 23 Nghị

định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ (50% tiền hạ tầng đất tái định cư).

Trên cơ sở kiểm tra thực địa vào ngày 19/12/2013 do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì cùng các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ra Thông báo số 239/TB-UBND ngày 09/01/2014 chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi diện tích 1.260,6 m² đất công bị lấn chiếm nằm ngoài ranh giới thu hồi đất của Dự án. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ có văn bản số 997/UBND-CNN ngày 10/02/2014 thu hồi đất nằm ngoài ranh Dự án khoảng 1.260 m² đất. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có Tờ trình số 09/TTr-HĐBTHTTĐCDA ngày 04/3/2014 đề nghị được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định và có văn bản số 1187/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/4/2014 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án số 39/PA-TTPTQĐ ngày 03/3/2014 về bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án (trong đó có hộ ông Nguyễn Thành M), được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 và Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05/5/2014; căn cứ vào hai quyết định này của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi Dự án.

Như vậy, về trình tự thủ tục và căn cứ ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thành M là đúng quy định tại mục 4 Chương II Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

** Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Thành M:*

Ông M sử dụng thửa 244, tờ bản đồ 22, diện tích 109,9 m² có nguồn gốc là đất lấn chiếm hành lang lộ giới đường Quốc lộ 20 và lòng hồ Trị An (đất do Nhà nước quản lý), đã nêu rõ tại Quyết định số 3365 như sau: “*Diện tích 109,9 m² có nguồn gốc do ông M tự ý đến lấn chiếm hành lang lộ giới đường Quốc lộ 20 và đất lòng hồ Trị An (đất do Nhà nước quản lý) dựng nhà tạm để ở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ký ban hành Quyết định giải quyết lần đầu số 5159/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 giải quyết đơn khiếu nại của ông M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành Quyết định giải quyết lần cuối cùng số 578/QĐ-CT-UBT ngày 27/02/2004 giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành M; theo đó đã bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành M yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất lấn chiếm trên, ông M đã nhiều lần bị UBND xã La Ngà lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm*”.

** Về quá trình ban hành Quyết định số 611, Quyết định số 1064, Quyết định số 3385 và Quyết định số 15:*

Việc ban hành Quyết định số 611 là thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 (thẩm quyền thu hồi đất); Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ (Căn cứ thu hồi đất); Thông báo số 192/TB-UBND ngày 08/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quyết định số 1064 là thực hiện đúng theo Quyết định số 1227, theo đó hộ ông M được hỗ trợ tổng cộng 187.000.739 đồng (trong đó: Hỗ trợ đất là 43.963.000 đồng, nhà ở, vật kiến trúc 88.892.283 đồng, chính sách hỗ trợ 10.000.000 đồng, hỗ trợ khác của chủ đầu tư 44.148.456 đồng), đúng quy định tại Điều 43 Luật Đất đai năm 2013, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và khoản 2 Điều 22 Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đ về trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đ.

Quyết định số 3385 đính chính, sửa đổi Quyết định số 611 là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2014 của Chính phủ và đúng nguồn gốc thửa đất số 244 do ông M đang sử dụng.

Quyết định số 15 được ban hành trên cơ sở Văn bản số 11982/UBND-ĐT ngày 24/12/2014 có nội dung chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện Đ hỗ trợ bổ sung 20% giá trị đối với nhà ở, vật kiến trúc tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Hỗ trợ bổ sung 50% tiền đầu tư xây dựng hạ tầng các hộ dân phải nộp khi nhận đất tái định cư; Không hỗ trợ bổ sung 50% giá đất. Theo đó, ông M được hỗ trợ và thưởng di dời bổ sung với tổng số tiền 80.074.615 đồng (trong đó: Hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 22.223.071 đồng; trợ cấp các loại 55.851.544 đồng, thưởng di dời 2.000.000 đồng). Do đó, Quyết định 15 đúng quy định tại Điều 43 Luật Đất đai 2003, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

** Về quá trình giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3161 và Quyết định số 3365:*

Ngày 22/5/2014, ông M có đơn khiếu nại Quyết định số 1064 và Ủy ban nhân dân huyện ra Thông báo thụ lý đơn khiếu nại số 123/TB-UBND ngày 05/6/2014. Sau quá trình kiểm tra, xác minh và làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan, Thanh tra huyện có Báo cáo số 59/BC-TT ngày 10/7/2014 và tiến hành đối thoại với ông M. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3161 bác khiếu nại của ông M. Ông M tiếp tục khiếu nại, qua kết quả thẩm tra, xác minh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3365 bác khiếu nại của ông M.

Như vậy về nội dung, trình tự thủ tục ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của Luật Khiếu nại 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 31/10/2012 của Chính phủ và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

** Về thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông M:*

Ngày 06/01/2015, ông M có đơn đăng ký nhận tiền với tổng số tiền 275.075.354 đồng gồm tổng số tiền qua 02 lần hỗ trợ 267.075.354 đồng và tiền thưởng di dời 8.000.000 đồng theo Quyết định số 1064 và Quyết định số 15. Ông đã nhận đủ tiền theo 02 phiếu chi lập ngày 12/01/2015 với số tiền 195.000.739 đồng và 80.074.615 đồng xong. Tại Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 12/01/2015, ông M đã đồng ý giao mặt bằng, cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau và không cản trở quá trình thi công. Như vậy, ông M đã hoàn toàn đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ khẳng định Dự án là công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ông M đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ và đã bàn giao mặt bằng, cam kết không khiếu nại. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại Văn bản số 2439/UBND-THNC ngày 10/3/2020 và văn bản số 10040/UBND-THNC ngày 21/8/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ do người đại diện trình bày:

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc nhà đất số 15/GXN-UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã La Ngà thì ông M sử dụng thửa đất 244, diện tích 109,9 m² có nguồn gốc là đất hành lang lộ giới Quốc lộ 20 cũ, đất do Nhà nước quản lý. Năm 1986, ông M tự lấn chiếm xây dựng nhà tạm để ở, đến năm 1995 sửa lại để ở và buôn bán. Trong quá trình sử dụng, ông M đã bị Ủy ban nhân dân xã La Ngà xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần về hành vi xây dựng trái phép trên đất đã lấn chiếm.

Ngày 08/01/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có Thông báo số 192/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án và ban hành văn bản số 7203/UBND-ĐT ngày 05/9/2013 chấp thuận chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ sử dụng đất có nguồn gốc lấn chiếm hành lang lộ giới và lòng hồ Trị An; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Thông báo số 293/TB-UBND ngày 09/01/2014 và văn bản số 997/UBND-CNN ngày 10/02/2014 chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi 1.260,6 m² đất bị các hộ lấn chiếm ngoài ranh giới của Dự án, ký Quyết định số 611 (điều chỉnh, bổ sung bằng Quyết định số 3385) thu hồi 109,9 m² đất của ông M. Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký Quyết định số 1227 và Quyết định số 4166. Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 1064 phê duyệt phương án bồi thường cho ông M tổng số tiền 195.000.739 đồng, Quyết định số 15 bồi thường, hỗ trợ bổ sung 80.074.615 đồng và ông M đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo các phiếu chi ngày 12/01/2015.

Đất do ông M lấn chiếm hành lang lộ giới Quốc lộ 20 và lòng hồ Trị An nên theo quy định tại khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì ông M không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ với mức hỗ trợ 50% giá đất ở ($50\% \times 800.000$ đồng/m²), được hỗ trợ 80% giá trị bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, 100% giá trị bồi thường về cây trồng và hỗ trợ kinh phí di chuyển là đúng quy định.

Ông M cũng đã được giải quyết, bố trí 01 lô tái định cư tại khu tái định cư xã La Ngà, huyện Đ. Việc ông M không đồng ý đóng tiền sử dụng đất ở tại khu tái định cư là không có cơ sở vì thì trường hợp của ông M không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư, mà chỉ được hỗ trợ nền tái định cư nhưng phải trả tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11 và Điều 22 Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Do vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành M.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành M và xin Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 38, Điều 43, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 14, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành M về việc hủy các quyết định:

- Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà do thu hồi đất dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc đình chính và sửa đổi Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà thuộc dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 (đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại xã La Ngà do thu hồi đất dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành M (lần 1);

- Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành M (lần 2);

- Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ bổ sung cho 21 hộ tại khu vực cầu La Ngà, xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ thuộc dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2021, ông Nguyễn Thành M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Thành M giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Thửa đất của ông có diện tích 300 m² nhưng Nhà nước chỉ thu hồi 109,9 m² mà không thu hồi hết đất, phần diện tích còn lại ông không còn sử dụng được gì nên đề nghị xem xét được thu hồi hết diện tích đất còn lại để ông đi nơi khác sinh sống.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông M vì ông M đã cất nhà ở ổn định trên đất từ năm 1986 đến nay nên ông M đủ điều kiện được bồi thường 100% về đất theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đ không bồi thường mà chỉ hỗ trợ 50% về đất và 80% về vật kiến trúc trên đất là không đúng. Các cơ quan chức năng không xác định diện tích đất của ông M nằm trong hành lang lộ giới để thu hồi đất vào thời điểm Luật

giao thông đường bộ có hiệu lực vào năm 2009 mà đến nay mới thu hồi đất và cho rằng ông M lấn chiếm đất hành lang lộ giới là không đúng.

Ông Nguyễn Hồng Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không đồng ý kháng cáo của ông M và đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Thành M đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành vắng mặt họ.

[2] Ông Nguyễn Thành M khởi kiện trong thời hạn chưa quá một năm kể từ ngày ông được sao lục Quyết định số 141A/2016/QĐ-GQKN ngày 30/6/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ thụ lý đơn khởi kiện của ông, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính và điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 611, Quyết định số 3385, Quyết định số 1064, Quyết định số 15, Quyết định số 1227, Quyết định số 4166 là đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003; Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 3161 và Quyết định số 3365 là đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với các quyết định thu hồi đất:

Việc thu hồi diện tích 109,9 m² đất do ông Nguyễn Thành M đang quản lý sử dụng để thực hiện Dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 nối từ tỉnh Đ đến tỉnh Lâm Đồng là nhằm mục đích sử dụng cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Do đó, Quyết định số 611 và Quyết định số 3385 được ban hành đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003.

[4.2] Đối với các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

[4.2.1] Theo Giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất số 15/GXN – UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã La Ngà thì diện tích 109,9 m² ông Nguyễn Thành M sử dụng thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 22, xã La Ngà có nguồn gốc đất là hành lang lộ giới đường Quốc lộ 20 cũ, thuộc Km 102, ông M tự ý lấn chiếm sử dụng từ năm 1986 xây dựng tạm nhà để ở, đến năm 1995 sửa lại để ở và buôn bán.

Ông Nguyễn Thành M sử dụng đất nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; vào năm 2004 ông M có đơn khiếu nại yêu cầu xem xét công nhận cho ông tiếp tục sử dụng diện tích ông đang ở thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 5159/QĐ.CT.UBH ngày 22/10/2004 bác khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 578/QĐ-CT-UBT ngày 27/02/2004 bác đơn khiếu nại của ông M yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất thuộc Quốc lộ 20 (cũ) và đất lòng hồ Trị An gần cầu La Ngà. Như vậy, việc ông M sử dụng diện tích 109,9 m² đã được giải quyết bằng quyết định giải quyết cuối cùng đã có hiệu lực pháp luật xác định diện tích đất ông M sử dụng thuộc Quốc lộ 20 (cũ) và đất lòng hồ Trị An gần cầu La Ngà.

Ngày 14/4/1999 Ủy ban nhân dân huyện đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông M về hành vi chiếm đất, cất nhà trái phép, vi phạm hành lang lộ giới, buộc ông M phải tháo dỡ toàn bộ phần vi phạm. Đến năm 2006, ông M tiếp tục bị Ủy ban nhân dân xã La Ngà nhiều lần lập Biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm.

Do đó, mặc dù ông M đã quản lý sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004, nhưng là đất do lấn chiếm hành lang lộ giới, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần nhưng không chấp hành, nên ông M không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ.

[4.2.2] Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Nguyễn Thành M với các mức tiền theo đúng quy định tại các Phương án bồi thường, hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng theo Biên bản kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại lập ngày 06/5/2013 được ông Nguyễn Thành M ký tên và tự viết nội dung: “*Tôi thống nhất nội dung số lượng kiểm kê trên và không thắc mắc khiếu nại*”; Vào ngày 12/01/2015, ông Nguyễn Thành M đã ký nhận tiền hỗ trợ, thưởng di dời và cam kết với số tiền là 195.000.739 đồng và tiền hỗ trợ bổ sung là 80.074.615 đồng; đồng thời đã bàn giao mặt bằng cho cơ quan chức năng và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Như vậy, Quyết định số 1064, Quyết định số 15, Quyết định số 1227 và Quyết định số 4166 đã được ban hành đúng quy định tại Điều 14, Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về chính sách bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ gồm: Quyết định số 75/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013, Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 24/02/2012, Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012.

[4.3] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại:

Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thành M đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 611, Quyết định số 3385, Quyết định số 1064, Quyết định số 15, Quyết định số 1227 và Quyết định số 4166 đã được ban hành đúng quy định của pháp luật như đã phân tích ở các phần trên. Do đó, Quyết định số 3161 và Quyết định số 3365 đã bác yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Thành M là có cơ sở.

[5] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành M và lời bảo vệ của luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Nguyễn Thành M là người cao tuổi nên được án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Đối với việc ông Nguyễn Thành M đặt ra tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu được thu hồi hết diện tích còn lại của ông để ông đi nơi khác sinh sống là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không có căn cứ để đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành M; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bác khởi kiện của ông Nguyễn Thành M về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đ;

- Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc đình chính và sửa đổi Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà thuộc dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 (đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại ấp 1, xã La Ngà do thu hồi đất dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Thành M ngụ tại xã La Ngà do thu hồi đất dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn qua xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ (Khu vực đường dẫn cầu La Ngà);

- Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ bổ sung cho 21 hộ tại khu vực cầu La Ngà, xã La Ngà và xã Phú Ngọc, huyện Đ thuộc dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20;

- Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành M (lần 1);

- Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành M (lần 2);

3. Ông Nguyễn Thành M được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

